

Bản án số 373 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 29- 9 - 2020

V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á
2. Bà Trần Thị Thu Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Cao Đức Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 400/2020/ QĐST- HNGĐ ngày 09/ 9 /2020 giữa các đương sự;

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1980 (có mặt)

Trú tại: Khu phố T, phường S, thị xã N, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Khu phố T, phường S, thị xã N, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đặng Ngọc Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ và chị Lê Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện N (nay là phường S, thị xã N), tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, chị H thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay, anh Đ

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Đặng Lê Hòa Th, sinh ngày 23/5/2007 và Đặng Hoài N, sinh ngày 10/6/2011, hiện nay cháu Th và cháu Nam đang ở với anh Đ. Ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Lê Thị H, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H theo quy định của pháp luật nhưng chị H luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các căn cứ theo quy định của pháp luật để xem xét giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đặng Ngọc Đ được ly hôn chị Lê Thị H.

+ Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đặng Lê Hòa Th, sinh ngày 23/5/2007 và Đặng Hoài N, sinh ngày 10/6/2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: anh Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Ngọc Đ yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn giải quyết việc hôn nhân và gia đình của anh; Bị đơn chị Lê Thị H cư trú tại, phường S, thị xã N, tỉnh B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thị xã N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã N tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị H.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Đặng Ngọc Đ và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện N (nay là phường S, thị xã N), tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 138 quyền số 01/2006 ngày 28 tháng 11 năm 2006. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của anh Đ, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, chị H thiếu trách nhiệm với gia đình nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh và chị H không còn chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay. Anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Biên bản xác minh ngày 27/5/2020 tại địa phương thể hiện: tình trạng hôn nhân vợ chồng anh Đ và chị H phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không rõ.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh Đ và chị H trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không còn quan tâm và chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn được. Nay anh Đ kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H luôn vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án. Từ diễn biến trên chứng tỏ chị H đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình và không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa

anh Đ và chị H đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con chung: Anh Đ và chị H có hai con chung Đặng Lê Hòa Th, sinh ngày 23/5/2007 và Đặng Hoài N, sinh ngày 10/6/2011. Anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh Đ có việc làm, thu nhập ổn định, hai cháu hiện đang ở với anh Đ, cháu Th và cháu N trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với anh Đ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu nên cần giao hai cháu cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc “ Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đặng Ngọc Đ và chị Lê Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đặng Lê Hòa Th, sinh ngày 23/5/2007 và Đặng Hoài N, sinh ngày 10/6/2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu

thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0005604 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N (nay là thị xã N).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND Phường S
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Bích

